TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN S-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 33** /2022/DSST
Ngày: 25/7/2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền biêu*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đời
2. Bà Phạm Thị Ngọc Lý

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Cán bộ Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 04 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền biêu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐST-DS ngày 27/6/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 63 ngày 08/7/2022 giữa.

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1970; Trú tại: Tổ 15, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh T** – sinh năm: 1969, địa chỉ: Tổ 36, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2022; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do mối quan hệ quen biết vào năm 2018 bà H có cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng, trước đó bà T có tham gia chân biêu do bà H làm cái, chân biêu có 12 người chơi, mỗi chân đóng 3 triệu, bà T đã nộp được 3 tháng sau đó không nộp tiền biêu nữa nên bà T còn nợ lại tiền biêu là 45.000.000đồng. Tổng cộng: 95.000.000 Bà T có viết giấy mượn tiền và ký nhận ngày 13/12/2018, hẹn mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Trong quá trình vay tiền, bà T có trả cho bà nhiều lần với tổng số tiền là 9.700.000 đồng. Mặc dù bà đã nhiều lần gọi điện thoại, xuống nhà yêu cầu bà T trả số tiền nợ còn lại nhưng bà T cố tình trốn tránh không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải trả cho bà số tiền nợ còn lại là: 85.300.000 (Tám mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng) và bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 27/4/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Ngày 13/12/2018, bà có viết giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị H với số tiền 50.000.000 đồng và nợ tiền biêu 45.000.000 đồng, tổng cộng 95.000.000 đồng, hẹn mỗi tháng trả 3.000.000 đồng. Từ năm 2019, bà H yêu cầu bà trả nợ nhưng do điều kiện khó khăn làm ăn thua lỗ nên hàng tháng bà không trả đúng như thỏa thuận. Bà xác định đã trả cho bà H nhiều lần tổng số tiền là 9.700.000 đồng và còn nợ bà H số tiền 85.300.000 đồng. Bà T xin trả dần khoản nợ trên mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tiền biêu giữa bà Nguyễn Thị H với bà Nguyễn Thị Minh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tám.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua mối quan hệ quen biết, vào năm 2018 bà H cho bà T vay số tiền là 50.000.000 đồng và trước đó bà T có nợ của bà H 45.000.000 đồng tiền biêu. Ngày 13/12/2018, bà Nguyễn Thị Minh T viết giấy mượn tiền cho Hạnh xác nhận nợ 95.000.000 đồng và hẹn mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Quá trình vay tiền, bà T đã trả cho bà H nhiều lần với tổng số tiền là 9.700.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh T phải trả số tiền nợ còn lại là: 85.300.000đ và không yêu cầu tính lãi. Còn bà T xác nhận ngày 13/12/2018, bà T viết giấy mượn tiền cho bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền vay là 95.000.000 đồng. Do điều kiện khó khăn làm ăn thua lỗ nên hàng tháng bà T không trả đúng như thỏa thuận, bà đã trả cho bà H 9.700.000 đồng và hiện còn nợ lại 85.300.000 đồng, bà T xin trả dần khoản nợ trên mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết thanh toán xong hết nợ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc vay tiền giữa bà H và bà T là có thật và hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giấy vay tiền đã ký kết. Căn cứ theo giấy mượn tiền ngày 13/12/2018 do bà T viết và ký nhận cũng như tại bản tự khai ngày 27/4/2022 bà T xác nhận hiện còn nợ bà H số tiền 85.300.000 đồng. Bà T là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Hạnh. Mặt khác, yêu cầu xin trả dần số nợ trên của bà T không được bà H chấp nhận. Do đó, yêu cầu của bà H buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải trả một lần số tiền 85.300.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H không có yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật trên số tiền nợ 85.300.000 đồng là: 5% x 85.300.000 đồng = 4.265.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 280; Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền biêu"* của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị Minh T

Xử:

1.Buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 85.300.000 đồng (Tám mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 4.265.000 đồng (Bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 2.132.500đ (Hai triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng) bà đã nộp theo biên lai thu số 0003260 ngày 08/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận S, TP. ĐN;
- Chi cục THADS quận S, TP. ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**